

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 691/2022/HNST ngày 14 tháng 11 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lê Minh T, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đ.

- Bà Lê Thị Bé H, sinh năm 1989

Địa chỉ: 1250/9/36/2 đường H, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bé H qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đ cấp ngày 16/4/2009).

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 12 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Cả hai đã cùng nhau khắc phục nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm

trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Ông T và bà H sống ly thân từ tháng 12/2021.

Hiện nay, ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bé H xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bé H cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bé H xác nhận có 02 (hai) người con chung họ tên là Lê Quốc T (nam), sinh ngày 22/01/2011 và Lê Quốc T (nam), sinh ngày 25/11/2015.

Cả hai thỏa thuận sau khi ly hôn, ông T đồng ý để bà H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung là trẻ T và trẻ T.

Ông T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/trẻ/tháng, tổng cộng tiền cấp dưỡng là 3.000.000 đồng cho hai trẻ mỗi tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, cấp dưỡng vào ngày 15 (dương lịch) hàng tháng, không yêu cầu cơ quan Thi hành án giải quyết.

Ông Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bé H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bé H xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bé H phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bé H thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 26, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Đ cấp ngày 16/4/2009).

1.2. Về con chung: Ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bé H có 02 người con chung họ tên là Lê Quốc T (nam), sinh ngày 22/01/2011 và Lê Quốc T (nam), sinh ngày 25/11/2015.

Ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bé H thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn:

Bà Lê Thị Bé H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung là trẻ Lê Quốc T (nam), sinh ngày 22/01/2011 và Lê Quốc T (nam), sinh ngày 25/11/2015.

Ông Lê Minh T cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000 đồng/trẻ/tháng, tổng cộng tiền cấp dưỡng là 3.000.000 đồng cho hai trẻ mỗi tháng. Hai bên tự giao nhận tiền cấp dưỡng, cấp dưỡng vào ngày 15 (dương lịch) hàng tháng, không yêu cầu cơ quan Thi hành án giải quyết.

Ông Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bé H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Lê Minh T và bà Lê Thị Bé H phải chịu tiền lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí việc dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), theo Biên lai thu số AA/2021/0015063 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông T và bà H đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSNDQ.7, TP HCM;
- C/c THADSQ.7, TP HCM;
- C/q đã thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Thúy).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy